

Vai trò của yếu tố tự nhiên đối với kinh tế, văn hóa dân tộc Dao ở miền núi phía bắc Việt Nam

Trần Viết Khanh¹, Dương Quỳnh Phương², Nguyễn Tiến Việt³

Abstract

Mountainous area in northern Vietnam is an area which convergence of cultural diversity with living of more than 30 ethnic groups, each group has its own unique culture. The diversity of natural conditions offered people adaptability and creativity in the way of production in cultural life and the natural behaviour.

In the northern mountainous region there are some groups of Dao. They live on farms and agricultural terraces. Dao people have some craft their own unique marked as forged, jewelry, embroidery and printing on fabric. They usually live near waterish areas. Dao ethnic folk culture is very rich, including many diverse genres: myths, tales, stories, poems, folk songs, proverbs, riddles reflect the community in which the concept of the universe, human, world. Material and spiritual life of their natural bearing elements. In this article author focus of the effect of natural conditions on socio – economy and culture of Dao people in mountainous area of Vietnam.

1. MỞ ĐẦU

Miền núi phía Bắc Việt Nam là mảnh đất hội tụ đa dạng văn hóa với hơn 30 dân tộc cư trú, mỗi dân tộc mang một nét văn hóa đặc đáo riêng. Sự đa dạng trong điều kiện tự nhiên đã giúp cho các dân tộc có khả năng thích ứng và sáng tạo trong cách thức sản xuất, trong đời sống văn hóa và có những ứng xử phù hợp với tự nhiên.

Người Dao ở vùng miền núi phía Bắc có các nhóm Dao Đò, Dao Tiềng, Dao Quần Trắng, Dao Áo Dài, Dao Lô Gang. Họ sống bằng nông nghiệp nương rẫy và ruộng bậc thang. Người Dao có một số nghề thủ công mang dấu ấn riêng đặc đáo như rèn đúc, làm đồ trang sức, thêu in hoa trên vải bằng sáp ong, ... Người Dao ở nhà sàn, nhà dất hoặc nửa sàn, nửa đất. Họ thường ở gần nguồn nước. Văn hóa dân gian của dân tộc Dao rất phong phú, đa dạng bao gồm nhiều thể loại: thần thoại, truyện cổ, truyện thơ, dân ca, tục ngữ, câu đố phản ánh trong đó là quan niệm của cộng đồng về vũ trụ, nhân sinh quan, thế giới quan. Đời sống vật chất và tinh thần của họ mang đậm các yếu tố tự nhiên.

2. VAI TRÒ CỦA YẾU TỐ TỰ NHIÊN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA DÂN TỘC DAO Ở MIỀN NÚI PHÍA BẮC

2.1. Vai trò của tài nguyên rừng đối với đời sống của dân tộc Dao

Đối với người Dao, rừng đóng vai trò rất quan trọng. Ngoài việc cung cấp đất, rừng cũng là nơi cung cấp nguồn năng lượng, lương thực, thuốc chữa bệnh cũng như vật liệu làm nhà và làm các đồ dùng sinh hoạt. Thực tế cho thấy, người dân sống dựa vào rừng ở hai khía cạnh: thứ nhất là phụ thuộc về thu nhập, liên quan đến tổng thu nhập và thu nhập họ có được từ bán các sản phẩm từ rừng, và thứ hai là sự phụ thuộc về sinh kế, được tính toán bằng các loại sản phẩm từ rừng và sử dụng hàng ngày.

¹ Đại học Thái Nguyên

² Trường DHSP - Đại học Thái Nguyên

³ Trường THPT Lương Ngọc Quyến, Thái Nguyên

Đối với người dân cả nước nói chung và người Dao ở miền núi phía Bắc nói riêng, rừng là một trong những thu nhập và sinh kế của họ.

Dân tộc Dao có cuộc sống gần gũi và gắn bó với rừng. Đồng bào thường chặt cây làm nhà, làm cùi, làm các đồ dùng sinh hoạt và một nguồn lương thực, thực phẩm cũng được thu từ rừng. Các sản phẩm phục vụ cho đời sống thường ngày của đồng bào đều được khai thác từ rừng tự nhiên như: măng, mộc nhĩ, nấm hương, rau, thịt thú rừng, mật ong và các loại quả. Ngoài ra việc khai thác rừng và các sản phẩm khai thác từ rừng đem lại nguồn thu không nhỏ so với các nguồn thu nhập khác. Các hoạt động khai thác rừng bao gồm: khai thác gỗ, cùi và đốt cùi làm than để đem lại cho người dân một nguồn thu nhất định trong thời gian nông nhàn. Các lâm sản ngoài gỗ thường được khai thác có thể kể tới như: các loại măng, nấm hương, mộc nhĩ, quả (trám, dâu da), cùi gừng núi.... cũng góp phần cải thiện đáng kể đời sống đồng bào.

Rừng cũng là nơi cung cấp nhiều dược liệu chữa bệnh quý giá. Những loại dược liệu quen thuộc với người dân để chữa các bệnh thông thường, đặc biệt quan trọng trong điều kiện thiều thảo, giao thông đi lại khó khăn, xa trung tâm y tế. Trong quá trình phát triển tộc người, người Dao đã tích lũy được không ít kinh nghiệm trong việc sử dụng các cây dược liệu trong rừng để chữa bệnh. Dân ông và phụ nữ người Dao học được kiến thức về cây thuốc khác nhau dựa trên các hoạt động hàng ngày của họ và sự phân công lao động giữa các thành viên trong gia đình. Trong khi người dân ông có được kiến thức sâu rộng về cây gỗ hoặc cây tre, nứa thì người phụ nữ có kiến thức sâu rộng về cây thuốc, cây rau và các loại quả rừng. Kiến thức về cây thuốc Nam của họ được hình thành từ kinh nghiệm và thực tiễn, kiến thức đó ngày càng được tích lũy và đã trở thành một nguồn vốn quý báu, không chỉ sử dụng để chữa bệnh cho gia đình mà còn đem lại thu nhập đáng kể cho người dân. Chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp những người phụ nữ Dao cùng với những cây thuốc Nam thu hái từ rừng, được làm sạch, già công, phân loại thành những thang thuốc chữa bệnh và bán tại các phiên chợ vùng cao ở miền núi phía Bắc.

2.2. Ảnh hưởng của thời tiết đến hoạt động sản xuất của người Dao

Thời tiết có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và các loại công việc trong năm. Mùa đông, ở vùng cao nơi đồng bào cư trú trời lạnh, khô và có sương muối. Thời tiết khắc nghiệt khiến cho cây trồng khó có thể sinh trưởng, phát triển. Vì vậy các mảnh ruộng bậc thang thường bỏ không, đồng bào không cây được vụ chiêm, chiêm xuân. Đối với việc canh tác nương rẫy cũng vậy: ngô, đậu đỗ, đậu không trồng được vào mùa này. Duy chỉ có một vài loại rau thích hợp với khí hậu lạnh là cùi thè trồng được nhưng ở điều kiện vùng cao khan hiếm nước nên việc canh tác trở nên rất khó khăn. Do đó vào mùa đông thời tiết lạnh, khô là khoảng thời gian thuận tiện nhất cho việc khai thác gỗ. Mùa xuân khi thời tiết ấm dần lên, đồng bào người Dao bắt đầu phát nương làm rẫy, trồng các loại cây lương thực: sắn, khoai lang... và bầu, bí. Tới tháng tư, tháng năm âm lịch đồng bào trồng ngô, lúa nương. Thời gian này thời tiết ấm áp thuận lợi cho sinh vật phát triển, đây cũng là khoảng thời gian thuận lợi nhất trong năm để đồng bào khai thác các sản vật từ rừng như măng, nấm hương, các loại rau rừng... Sang mùa hè, bước vào mùa thu hoạch các loại bầu bí, ngô. Ngoài ra, thời tiết cũng thuận lợi cho những công việc như: hái, phơi sấy cây thuốc, vào rừng lấy mật ong. Nhìn chung công việc hàng ngày của người dân phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết.

2.3. Đặc điểm tự nhiên quyết định các loại hình canh tác của dân tộc Dao

Điều kiện tự nhiên quyết định các loại hình canh tác của đồng bào. Tuỳ vào đặc điểm tự nhiên, môi trường của từng vùng mà có các loại hình canh tác khác nhau.

Đối với người Dao ở những nơi đất bằng phẳng, độ dốc không quá lớn, có tầng canh tác dày với điều kiện trước tiên là có thể dẫn nước vào hoặc có thể hứng nước mưa, thứ hai đó là nơi có vị trí

thuận tiện để lựa chọn làm ruộng bậc thang. Ruộng bậc thang là giải pháp phổ biến để giữ nước, chống xói mòn, giữ cho đất màu mỡ cao hơn và canh tác được lâu dài.

Sau khi lựa chọn vị trí đất làm ruộng bậc thang người Dao tiến hành khoanh vùng đất. Việc khoanh vùng phụ thuộc vào nhiều yếu tố như độ dốc của đất. Nếu độ dốc càng lớn thì độ rộng của ruộng càng nhỏ. Theo kinh nghiệm, người Dao thường dùng đá kê thành đường để phân vùng ranh giới hoặc đào mương rãnh. Việc khoanh vùng không chỉ có mục đích tránh mất nước, xói mòn mà còn nhằm mục đích canh tác ổn định và khẳng định chủ quyền với các hộ dân khác.

Bên cạnh hình thức canh tác trên ruộng bậc thang, người Dao còn canh tác trên nương rẫy. Tim chọn và quyết định đất canh tác là công việc quan trọng nhất đối với nông nghiệp nương rẫy. Công việc này thường do người đàn ông - người chủ gia đình đảm nhiệm và được tiến hành vào tháng 8 âm lịch hàng năm, trước khi thu hoạch lúa nương. Theo kinh nghiệm, họ thường chọn rừng già, cây to, lá xanh đen, nơi đất bằng phẳng và có màu đen sẫm (đất nhiều mùn) và ở gần sông suối. Khi chọn được nơi vừa ý, người Dao làm lễ cúng xin phép thần linh cho phát nương làm rẫy. Sau đó, người dân chặt một số cây xung quanh làm dấu để xác định chủ quyền. Phát nương thường tiến hành theo thời vụ và tùy thuộc vào giống cây trồng trên nương. Nếu trồng lúa, người Dao thường phát nương vào tháng 8, tháng 9 âm lịch, trồng ngô vào tháng 10, tháng 11 âm lịch.

Trước kia, nương của người Dao còn mang nặng tính chất da canh, cách phân bố các loại cây trồng trên nương cũng có những nét đặc trưng riêng, độc đáo. Các loại cây được phân bố trên nương như sau: Vòng ngoài của nương chủ yếu trồng chuối, cà và các loại dây leo như bắp, bí xanh, bí đỏ, mướp, dưa, dỗ... và vòng tiếp theo trồng sắn, khoai lang. Người Dao coi hai vòng này là những hàng bảo vệ của các cây lương thực chính trong nương của họ là lúa, ngô, vừng... được trồng và thu hoạch trước lúa.

3. VAI TRÒ CỦA YÊU TỐ TỰ NHIÊN ĐÓI VỚI ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA DÂN TỘC DAO Ở MIỀN NÚI PHÍA BẮC

3.1. Thế giới tự nhiên trong đời sống tinh thần của đồng bào Dao

Các sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên chi phối rất nhiều đến đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc ít người nói chung và đồng bào Dao nói riêng. Sự chi phối này thể hiện ở các khía cạnh:

Trước hết sự chi phối của thế giới tự nhiên đến đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào thể hiện ở việc họ luôn lấy tự nhiên làm chuẩn mực, luôn so sánh mọi sự vật, sự việc của đời sống con người với tự nhiên. Từ những việc nhỏ cho tới những việc lớn của đời người đều được đếm so sánh với núi non, sông nước, rừng cây, ngọn cỏ. Người ta chúc nhau được như những sự vật, hiện tượng trong tự nhiên thể hiện sự yêu mến tôn sùng: chúc trẻ nhỏ “cái tay co lủng, tung tay co cuối” (lóng như cây sung, cao như cây chuối), chúc người con trai lấy vợ được chúc hạnh phúc như cá với nước; hay người ta chúc nhau làm „n tiền chắc như núi đá, chúc nhau uống rượu “Kin sle mần thay như bjooc coóng choóng tha vần” (uống cho say như hoa cây phong chiếu ánh mặt trời).

Thứ hai, sự chi phối của thế giới tự nhiên đến đời sống tinh thần của đồng bào thể hiện ở sự thần thánh hóa các sự vật hiện tượng trong tự nhiên. Các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao đều tin rằng các sự vật trong tự nhiên đều có phần hữu hình và vô hình. Với người Tày, Nùng thế lực siêu nhiên đều được gọi là “phi”. Ma cũng là “phi” và thần cũng là “phi”. Thần núi, thần sông, thần suối, thần cây,... đều được thờ cúng để phù hộ cho con người. Việc tôn trọng, và tin vào các vị thần này được thể hiện rõ nhất trong các ngày lễ, Tết, ngày hội: họ thực sự tin rằng nếu không tỏ lòng tôn trọng với

các vị thần tự nhiên này thì sẽ bị quấy phá, cuộc sống khó khăn, thậm chí bị trừng phạt tuỳ vào từng mức độ.

Tín ngưỡng của người Dao là tín ngưỡng đã thần “vạn vật hữu linh” nghĩa là mọi vật đều có linh hồn và mọi hoạt động của đời sống cộng đồng đều chịu sự chi phối của tín ngưỡng đó. Đặc biệt quan niệm “vạn vật hữu linh” được thể hiện rất rõ trong nghi thức cấp sắc, lễ thôi miên của người Dao.

Trong mỗi gia đình người Dao, phía dưới bàn thờ tổ tiên là bàn thờ thổ công, thổ địa, thần chăn nuôi, ngoài ra còn thờ ma cửa, ma giường, ... trong bàn thường có miếu thờ thổ thần. Các nghi lễ nhằm thể hiện sự tôn kính với các vị thần trong tự nhiên. Khi chọn được một mảnh nương người Dao phải làm lễ cúng xin phép thần linh rồi mới phát nương làm rẫy. Thông thường các nghi lễ được gia đình cùng với cộng đồng thực hiện. Các nghi lễ thường gặp như: lễ cúng nương, lễ cúng hòn lúa, lễ cúng cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, tiền trú sâu bệnh...

Thứ ba là sự gắn bó sâu sắc của dòng bào với thiên nhiên đó là tên làng, tên bản, tên chợ, tên người đều được đặt theo tên của các sự vật trong tự nhiên (tên con nước, tên cây, tên hoa,...). Ví dụ như: bản Cướm (trám), chợ Co Sau (cây sau sau), bản Bó Giài (mò cát)... Ranh giới của các bản cũng là ranh giới tự nhiên, thường là dòng suối, dinh núi, sông núi, mòn đá,...

3.2. Vai trò của yếu tố tự nhiên trong văn hóa mặc của người Dao

Dân tộc Dao có nhiều nhóm địa phương và phương ngữ khác nhau, mỗi nhóm đều có trang phục riêng.

Trang phục Dao dù thích dùng màu dò tươi rực rỡ để trang trí: khăn dò, bông trên ngực áo, cổ áo, trên khăn dò, tua dò, yếm dò, nẹp ngực áo dò, yếm lưng dò, yếm che trước bụng dò, màu thêu trên quần cũng dùng các màu sắc dò. Hoa văn trang trí thêu dày đặc. Các vật liệu trang trí như bạc, nhôm, hạt cườm có tác dụng phát sáng, màu sắc long lanh, lung linh được sử dụng nhiều càng làm tôn vinh rạng sang trọng cho bộ y phục đầy bản sắc của dân tộc mình.

Dao Dò, Dao Tiềng, Dao Coóc mùn, Dao Lô Gang, Dao Quần chèt đều có kỹ thuật thêu thoáng trên nền vải đen, vải chàm. Kỹ thuật thêu thoáng này để lộ nền đen, nền chàm ẩn ngay trong các họa tiết, có tác dụng làm giảm độ rực chói, mạnh mẽ của các màu nguyên sắc làm cho hòa sắc chung có độ chuyên êm, trầm, nhuần nhuyễn. Đó là điều đặc sắc cho sắc thái trang trí của dân tộc Dao.

Ngoài những họa tiết là vốn chung của nhiều dân tộc như hình hoa tam cành, chữ S, mào gà, chữ vạn, người Dao có nhiều sáng tạo họa tiết riêng cho trang trí, khai thác các hình tượng trong thiên nhiên có cách điệu kỹ nhưng vẫn nghiêm về xu hướng diễn tả gần gũi với hiện thực như: cây thông, người, ngựa... Mô típ hoa văn được in bằng sáp ong với những họa tiết cây cỏ, động vật, hình người... xen kẽ với chữ cách điệu rất sinh động. Đặc biệt là phụ nữ có trang phục truyền thống đặc sắc, nổi bật không chỉ là nhờ nghệ thuật trang trí hoa văn mà còn là kỹ thuật nhuộm chàm.

Người Dao trồng trồng cây bông để se sợi, dệt vải, tim cây lá để nhuộm màu. Họ có tục trồng bông trên núi, tranh thủ lúc nương rẫy nhàn việc làm những công đoạn sơ chế: bặt bông, ép hạt, se sợi, dệt vải. Để may, thêu thành những trang phục cho mình và người thân, sáng tạo nên những tác phẩm nghệ thuật - màu sắc tinh diệu, chi tiết sắc sảo mang hơi thở của hương đồng gió nội.

Dụng cụ chủ yếu hình thành nên bộ trang phục là chiếc khung dệt, vật cần thiết trong mỗi gian đình người Dao. Chỉ với hai thoi dệt chính, phu; người phụ nữ Dao có biệt tài dệt được vải trắng lấp vải màu. Để có được vải màu, trước hết người ta đem nhuộm vải. Tháng 7 hàng năm, chàm đến kỳ thi hoạch. Cây chàm được cắt thành từng bó đem về ngâm vào chum, vại. Khi lá ngår nát thì vớt ra hò bã lọc kỹ. Người ta cho vôi bột vào nước rồi khuấy đều. Vôi nhiều hay ít tùy lượng nước chàm. Ngoài vôi

còn bổ sung nước tro bếp. Vài ngày nước lắng ở đáy chum tạo nên cao chàm. Khi nhuộm vải, cao chàm hòa với nước dun với lá ngải cứu, thêm ít tro và chút rượu khuấy đều.

Kỹ thuật tạo hoa văn trên vải của người Dao, phần lớn là do phụ nữ đảm nhiệm. Ngay từ khi còn bé cô gái Dao đã được các bà mẹ dạy cho từng đường tơ, sợi chỉ, may vá, thêu thùa. Họ được dạy từ những công đoạn giản đơn, đến phức tạp, từ những chi tiết nhỏ đến cách nhuộm lại tấm áo chàm cho mới khi nó bạc màu. Bằng cách truyền nghề, chi dẫn thấu đáo của các bà, các mẹ tạo cho người phụ nữ Dao một nếp nghĩ ăn sâu vào tiềm thức, như một sắc thái đặc đáo của văn hóa Dao.

Kỹ thuật, nghệ thuật nhuộm chàm; in hoa văn với sáp ong của người Dao khiến ta cảm nhận về những giá trị thẩm mỹ của họ thông qua sản phẩm. Về đẹp của thiên nhiên như cỏ, cây, hoa lá, các loài động vật..., những nguyên liệu sẵn có của tự nhiên đã giúp họ tạo nên những sản phẩm với những họa tiết trang trí đẹp, rực rỡ. Sắc màu và những họa tiết trên trang phục, đặc biệt là của phụ nữ, chính là biểu tượng đặc đáo, đặc sắc của một tộc người gắn bó với tự nhiên. Đây cũng là cốt cách, là truyền thống văn hóa đậm chất nhân văn của họ trong cuộc sống đương đại.

3.3. Vai trò của yếu tố tự nhiên trong văn hóa ẩm thực, nhà ở của người Dao

3.3.1. Ăn thực

Người Dao thường ăn ba bữa chính trong ngày, bữa trưa và bữa tối. Chỉ những ngày mùa bận rộn mới ăn thêm bữa sáng. Đồng bào người Dao thường chế biến các món ăn thường ngày mà nguyên liệu được lấy từ rừng (rau rừng, măng rừng, nấm). Họ thích ăn thịt luộc, các món thịt sấy khô, ướp chua, canh măng chua.

Các ngày lễ tết đồng bào thường làm các loại xôi, bánh và dùng các loại thóc mộc để nhuộm, tạo nên màu sắc đẹp mắt, hương vị độc đáo và giúp món ăn thêm phần hấp dẫn. Có thể kể tới hai loại bánh không thể thiếu trong các món ăn mừng năm mới của người Dao đó là bánh chưng và bánh mặn. Thể hiện cho việc gắn bó với màu xanh của núi rừng là việc nhuộm màu cho chiếc bánh chưng. Khác với bánh chưng vuông của người Kinh, bánh chưng của người Dao được làm hết sức đặc đáo. Trước hết ở việc đốt rơm nếp để lây gió nhuộm cho màu gạo xanh như màu chàm. Sau đó gói bánh theo chiều dài. Gạo để làm bánh phải thật trắng, thơm và nước vo gạo lọc gio, luộc bánh phải thật tinh khiết để dâng cúng lên ông bà, tổ tiên. Thể hiện cho sự giao hoà, kết hợp của âm dương, đất trời hài hòa cho mọi vật sinh sôi, phát triển là việc tạo hình cho chiếc bánh mặn. Bánh cắp đôi, hình vuông là hình tượng hai chữ Nhật (mặt trời) - Nguyệt (mặt trăng) theo chữ Hán, hợp thành chữ Minh (ánh sáng) biểu trưng cho tiết khí thay đổi, sự may mắn hanh thông được bắt đầu.

Người Dao dâng lên ông bà, tổ tiên những món ăn, những loại bánh họ làm ra trước hết là mong thần linh, trời đất phù hộ, giúp đỡ họ trong cuộc sống lao động, sản xuất, đồng thời cũng thể hiện niềm tin tôn kính tổ tiên theo truyền thống uồng nước, nhớ nguồn của dân tộc Việt Nam. Cách làm các loại bánh dâng cúng trong ngày lễ Tết vừa công phu, vừa mang tính chất linh thiêng. Các món ăn trong ngày Tết với các loại bánh dâng cúng do người Dao làm là biểu tượng phản ánh ghi nhận từng chặng đường phát triển của sản xuất từ kinh tế hái lượm, săn bắn đến trồng lúa và cây lương thực. Món ăn trong những ngày vui này mang ý nghĩa tinh thần rất lớn. Đó không chỉ là hương thụ thành quả lao động do mình làm ra, mà còn là sợi dây gắn kết tình cảm cộng đồng, làng xóm, là sự tiếp nối truyền thống văn hoá ẩm thực của tổ tiên dẽ läi.

3.3.2. Nhà ở

Người Dao thường sống ở vùng lũng chừng núi hầu khắp các tỉnh miền núi miền Bắc. Tuy nhiên một số nhóm như Dao Quần tráng ở thung lũng, còn Dao Đò lại ở trên núi cao. Thôn xóm phần nhiều

phản tán, rải rác, nằm bầy nóc nhà. Nhà của người Dao rất khác nhau, tuỳ nơi họ ở nhà trệt, nhà sàn hay nhà nửa sàn, nửa đất.

Kiến trúc nhà ở của người Dao cũng rất phong phú, tuỳ nhóm mà ở nhà trệt hay nửa sàn, nửa đất. Hiện nay tại Bảo tàng dân tộc học Việt Nam ngôi nhà nửa sàn nửa đất được chọn để trưng bày và giới thiệu. Loại nhà nửa sàn nửa đất là loại kiến trúc nhà cửa của riêng người Dao, gắn liền với cuộc sống du canh du cư trước đây. Điều đặc biệt là toàn bộ ngôi nhà của người Dao đều được làm bằng tranh tre nứa lá, không có một chút gạch ngói. Mái nhà đại đa số được lợp bằng lá gõi, lá cọ, thậm chí có nhà lợp bằng nứa (bô ra thành từng lớp rồi lợp liên tiếp nhau), 8 cột cái trong nhà được làm bằng những cây gỗ quý, có tuổi rất già 80-90 năm, cột nhà vẫn là cột trần, được sử dụng luôn khi chặt từ rừng về và không qua xé. Mỗi lần chuyển nhà, họ có thể bỏ phên, tranh tre nứa lá còn những cột cái bằng gỗ quý có súc bên với thời gian thì họ chuyên chở đi để làm ngôi nhà mới.

KẾT LUẬN

Do đặc điểm cư trú ở khu vực miền núi vùng cao nên nét nổi bật trong thế ứng xử với môi trường tự nhiên của người Dao là luôn vượt khó khăn, linh hoạt và tạo ra khả năng thích ứng cao với môi trường tự nhiên khắc nghiệt. Trong nền kinh tế truyền thống, yếu tố tự nhiên vẫn có vai trò quyết định đối với đời sống đồng bào.

Người Dao là một trong những tộc người có đức tính cần cù và sáng tạo trong lao động, nhạy cảm và thích ứng rất nhanh với hoàn cảnh sống khắc nghiệt. Tuy đời sống vật chất khó khăn nhưng người Dao lại có một cuộc sống tinh thần tương đối phong phú và đa dạng, tạo nên truyền thống văn hóa với những nét đặc sắc. Truyền thống ấy không chỉ thấy ở những tập quán canh tác, chăn nuôi, ăn ở,... mà còn ở trong toàn bộ tín ngưỡng, tâm linh, phong tục tập quán, văn hóa của người Dao. Trong giai đoạn phát triển hiện nay của khu vực miền núi phía Bắc, cần có những giải pháp nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của yếu tố tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế và văn hóa cho đồng bào các dân tộc nói chung và dân tộc Dao nói riêng, đồng thời phải có những giải pháp phù hợp để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Đề án "Hỗ trợ người dân vùng cao canh tác nông lâm nghiệp bền vững trên đất mương ráy giai đoạn 2018 – 2012". (Kèm theo Quyết định 2945/QĐ-BNN – KL – 05/10/2017 của Bộ trưởng NN&PTNT).
2. Hoàng Hữu Bình, Các tộc người ở miền núi phía bắc Việt Nam và môi trường, NXB KHXH, Hà Nội, 1998.
3. Trần Viết Khanh, Nguyễn Việt Tiến, Vũ Như Văn, Giáo trình Địa lý trung du miền núi phía bắc Việt Nam, NXB ĐHQG, Hà Nội, 2010.
4. Hà Thị Thu Thuỷ, Dương Quỳnh Phương, Tri thức dân gian của dân tộc Dao tỉnh Thái Nguyên, Nhà xuất bản văn hóa thông tin, Hà Nội 2012.
5. Lê Bá Thảo, Miền núi và con người, trong "Lê Bá Thảo : Những công trình khoa học địa lý tiêu biểu", NXB Giáo Dục, Hà Nội, 2007, tr.: 235 – 245.
6. Vũ Như Văn, Đột phá từ triết lý phát triển bền vững cho vùng Đông Bắc Việt Nam bằng cách tiếp cận địa lý vùng khó khăn chậm phát triển. Tạp chí Phát triển bền vững. Viện Nghiên cứu môi trường và phát triển bền vững - Viện KHXH Việt Nam, Hà Nội, số 1/2008, tr.: 3 – 12.